

Số: 765 /QĐ-UBND

Việt Hòa, ngày 07 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa của các lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Thư ký ISO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND phường Việt Hòa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO, Trưởng các phòng, công chức, viên chức, người lao động UBND phường Việt Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, VP (ISO).

CHỦ TỊCH

Đào Quang Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HÒA

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với
lĩnh vực hoạt động Quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 765 /QĐ-UBND, ngày 07/11/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Việt Hòa, ngày 07 tháng 11 năm 2025
CHỦ TỊCH

Đào Quang Dương

**DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG VIỆT HÒA ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 765 /QĐ-UBND, ngày 07/11/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa)*

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
I	HỆ THỐNG CHUNG		
1.	Mô hình hệ thống		MHHT
2.	Chính sách chất lượng		CSCL
3.	Mục tiêu chất lượng		MTCL
4.	Quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro và cơ hội		QT.ISO.02
5.	Quy trình kiểm soát tài liệu, hồ sơ		QT.ISO.03
6.	Quy trình đánh giá nội bộ		QT.ISO.05
7.	Quy trình xem xét lãnh đạo		QT.ISO.06
8.	Quy trình kiểm soát sản phẩm KPH, hành động khắc phục		QT.ISO.07
II	QUY TRÌNH NỘI BỘ		
9.	Quản lý Văn bản đến, đi		QT.VP.01
10.	Quy trình quản lý, lưu trữ hồ sơ		QT.VP.02
III	QUY TRÌNH CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN		
A.	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI (141 QUY TRÌNH)		
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	1.BTXH
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2.BTXH

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
3	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp xã	Bảo trợ xã hội	3.BTXH
4	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội	4.BTXH
5	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội	5.BTXH
6	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	6.BTXH
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	7.BTXH
8	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	8.BTXH
9	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	9.BTXH
10	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	10.BTXH
11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	11.BTXH
12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	12.BTXH
13	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	13.BTXH
14	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	1.CSGDK
15	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	2.CSGDK
16	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác	3.CSGDK
17	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	4.CSGDK
18	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	5.CSGDK

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
19	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	6.CSGDK
20	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức	1.CCVC
21	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức	2.CCVC
22	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức	3.CCVC
23	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc	1.CTDT
24	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác dân tộc	2.CTDT
25	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số - Sức khỏe sinh sản	1.DSSS
26	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	1.GĐ
27	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	2.GĐ
28	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1.GDMN
29	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	2.GDMN
30	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	3.GDMN
31	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	4.GDMN
32	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non	5.GDMN
33	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp	1.GDNN
34	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	2.GDNN

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
35	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học	1.GDTH
36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	2.GDTH
37	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	3.GDTH
38	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	4.GDTH
39	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	5.GDTH
40	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	6.GDTH
41	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	1.GDTEX
42	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	2.GDTEX
43	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	3.GDTEX
44	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	4.GDTEX
45	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1.GDTHCS
46	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	2.GDTHCS
47	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	3.GDTHCS
48	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học	4.GDTHCS
49	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	5.GDTHCS
50	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học	6.GDTHCS
51	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	7.GDTHCS

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
52	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	8.GDTHCS
53	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	9.GDTHCS
54	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	10.GDTHCS
55	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học	11.GDTHCS
56	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.GDQD
57	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.GDQD
58	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2.GDQD
59	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	3.GDQD
60	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	4.GDQD
61	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	5.GDQD
62	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	6.GDQD
63	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	7.GDQD
64	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	8.GDQD

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
65	Trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	9.GDQD
66	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	10.GDQD
67	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	11.GDQD
68	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	12.GDQD
69	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	1.KĐCL
70	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	2.KĐCL
71	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	3.KĐCL
72	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	1.NCC
73	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	2.NCC
74	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công	3.NCC
75	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	4.NCC
76	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công	5.NCC
77	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	6.NCC
78	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	7.NCC
79	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công	8.NCC
80	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	Người có công	9.NCC

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
81	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công	10.NCC
82	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công	11.NCC
83	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	12.NCC
84	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	13.NCC
85	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	14.NCC
86	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	15.NCC
87	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	16.NCC
88	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	17.NCC
89	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	18.NCC
90	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	19.NCC
91	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	20.NCC
92	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	21.NCC
93	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	22.NCC
94	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công	23.NCC

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
95	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	1.PTTT
96	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2.PTTT
97	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	3.PTTT
98	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	4.PTTT
99	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1.PCTN
100	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2.PCTN
101	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	3.PCTN
102	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	4.PCTN
103	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	5.PCTN
104	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước	1.LĐNN
105	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	1.HQ
106	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	2.HQ
107	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	3.HQ
108	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	4.HQ
109	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	5.HQ
110	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	6.HQ
111	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	7.HQ

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
112	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	8.HQ
113	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	9.HQ
114	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	10.HQ
115	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	11.HQ
116	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	12.HQ
117	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	13.HQ
118	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	14.HQ
119	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	15.HQ
120	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức	Tín ngưỡng, tôn giáo	1.TNTG
121	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	2.TNTG
122	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	3.TNTG
123	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	4.TNTG
124	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	5.TNTG
125	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	6.TNTG
126	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	7.TNTG
127	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	8.TNTG
128	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	9.TNTG

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
129	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	1.TDTT
130	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	1.TE
131	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	2.TE
132	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	3.TE
133	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	4.TE
134	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	5.TE
135	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	6.TE
136	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	1.VBCC
137	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	2.VBCC
138	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	1.VH
139	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	2.VH
140	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Việc làm	1.VL
141	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm	2.VL
B	VĂN PHÒNG HĐND&UBND (69 QUY TRÌNH)		
1	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	1.CT
2	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	2.CT
3	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	3.CT
4	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	4.CT

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
5	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	5.CT
6	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	6.CT
7	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	7.CT
8	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	8.CT
9	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	9.CT
10	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	10.CT
11	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực	11.CT
12	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực	12.CT
13	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng thực tại nước ngoài	Chứng thực	13.CT
14	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	1.KNTC
15	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo	2.KNTC
16	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	1. HT
17	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	2. HT
18	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	3. HT
19	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	4. HT
20	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	5. HT
21	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	6. HT
22	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	7. HT

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
23	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	8. HT
24	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	9. HT
25	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	10. HT
26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	11. HT
27	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	12. HT
28	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	13. HT
29	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	14. HT
30	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	15. HT
31	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	16. HT
32	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	17. HT
33	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	18. HT
34	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	19. HT
35	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	20. HT
36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	21. HT
37	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	22. HT
38	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	23. HT
39	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	24. HT
40	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	25. HT

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
41	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	26. HT
42	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	27. HT
43	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	28. HT
44	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	29. HT
45	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	30. HT
46	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	31.HT
47	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	32.HT
48	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	33.HT
49	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	34.HT
50	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	35.HT
51	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	36.HT
52	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	37.HT
53	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	38.HT
54	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	1.CN
55	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	2.CN
56	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	3.CN
57	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	4.CN
58	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	5.CN

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
59	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	1.PCTN
60	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng	2.PCTN
61	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng	3.PCTN
62	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	4.PCTN
63	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	1.PBPL
64	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.PBPL
65	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	3.PBPL
66	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật	4.PBPL
67	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	5.PBPL
68	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân	1.TCD
69	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư	1.XLĐ
C	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ (143 QUY TRÌNH)		
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1.ATĐ
2	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	2.ATĐ
3	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản	1.ĐGD
4	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1.BVND
5	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	1.BTNN

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
6	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương	1.CNĐP
7	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	1.CN
8	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	2.N
9	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai	1.ĐĐ
10	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	2.ĐĐ
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	3.ĐĐ
12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	4.ĐĐ
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	5.ĐĐ
14	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	6.ĐĐ

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
15	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	7.ĐĐ
16	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	8.ĐĐ
17	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	9.ĐĐ
18	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai	10.ĐĐ
19	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	11.ĐĐ
20	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	12.ĐĐ
21	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	13.ĐĐ
22	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	14.ĐĐ

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
23	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	15.ĐĐ
24	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	1.ĐB
25	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	2.ĐB
26	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Đường thủy nội địa	1.ĐTNĐ
27	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Đường thủy nội địa	2.ĐTNĐ
28	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	3.ĐTNĐ
29	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	4.ĐTNĐ
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	5.ĐTNĐ
31	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	6.ĐTNĐ
32	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	7.ĐTNĐ
33	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	8.ĐTNĐ
34	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	9.ĐTNĐ
35	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa	10.ĐTNĐ
36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Đường thủy nội địa	11.ĐTNĐ
37	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	12.ĐTNĐ
38	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	13.ĐTNĐ

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
39	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	14.ĐTND
40	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	15.ĐTND
41	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Đường thủy nội địa	16.ĐTND
42	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	17.ĐTND
43	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	18.ĐTND
44	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	19.ĐTND
45	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	20.ĐTND
46	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	21.ĐTND
47	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Đường thủy nội địa	22.ĐTND
48	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	23.ĐTND
49	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	24.ĐTND
50	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	25.ĐTND
51	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	1.GN
52	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	1.HĐXD
53	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	2.HĐXD

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
54	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	3.HDXD
55	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	4.HDXD
56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	5.HDXD
57	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng	6.HDXD
58	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	7.HDXD
59	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	Hoạt động xây dựng	8.HDXD
60	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.HTX
61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	1.KDK
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	2.KDK
63	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	3.KDK
64	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1.PTNT
65	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu do trường hợp bị mất, tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát, bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	1.LTHH

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
66	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2.LTHH
67	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	3.LTHH
68	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	4.LTHH
69	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	5.LTHH
70	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	6.LTHH
71	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	7.LTHH
72	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	8.LTHH
73	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	9.LTHH
74	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Môi trường	1.MT
75	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	2,MT
76	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	1.NN
77	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	1.NOCS
78	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	1.QLCS
79	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản	2.QLCS
80	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	3.QLCS
81	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	4.QLCS
82	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	1.PCTT

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
83	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	2.PCTT
84	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	1.QHKT
85	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	2.QHKT
86	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	3.QHKT
87	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	4.QHKT
88	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	5.QHKT
89	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai	1.TCĐ
90	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai	2.TCĐ
91	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai	3.TCĐ
92	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp xã)	Tài nguyên nước	1.TNN
93	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	1.CNN
94	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	2.CNN
95	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	1.TLDN
96	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	1.TLHT
97	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	2.TLHT

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
98	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.HĐHTX
99	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.HĐHTX
100	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3.HĐHTX
101	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4.HĐHTX
102	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	5.HĐHTX
103	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	6.HĐHTX
104	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	7.HĐHTX
105	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	8.HĐHTX
106	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	9.HĐHTX
107	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10.HĐHTX

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
108	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	11.HĐHTX
109	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	12.HĐHTX
110	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	13.HĐHTX
111	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	14.HĐHTX
112	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	15.HĐHTX
113	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	16.HĐHTX
114	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	17.HĐHTX
115	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	18.HĐHTX
116	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	19.HĐHTX
117	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	20.HĐHTX

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
118	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	21.HĐHTX
119	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	22.HĐHTX
120	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	23.HĐHTX
121	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	24.HĐHTX
122	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	25.HĐHTX
123	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	1.HKD
124	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	2.HKD
125	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	3.HKD
126	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	4.HKD
127	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	5.HKD
128	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	6.HKD

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
129	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	7.HKD
130	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	1.TY
131	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	1.TL
132	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	2.TL
133	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND xã	Thủy lợi	3.TL
134	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	4.TL
135	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND xã	Thủy lợi	5.TL
136	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	6.TL
137	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	7.TL
138	Công bố mở cảng cá loại 3	Thủy sản	1.TS
139	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	2.TS
140	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	3.TS
141	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	1.TT
142	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu	1.UPTD

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU
143	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	1.BH

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HÒA**

Ban hành kèm theo Quyết định số: 765 /QĐ-UBND, ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa)

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
I	HỆ THỐNG CHUNG			
1.	Mô hình hệ thống		MHHT	
2.	Chính sách chất lượng		CSCL	
3.	Mục tiêu chất lượng		MTCL	
4.	Quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro và cơ hội		QT.ISO.02	
5.	Quy trình kiểm soát tài liệu, hồ sơ		QT.ISO.03	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ		QT.ISO.05	
7.	Quy trình xem xét lãnh đạo		QT.ISO.06	
8.	Quy trình kiểm soát sản phẩm KPH, hành động khắc phục		QT.ISO.07	
II	QUY TRÌNH NỘI BỘ			
9.	Quản lý Văn bản đến, đi		QT.VP.01	

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
10.	Quy trình quản lý, lưu trữ hồ sơ		QT.VP.02	
III	QUY TRÌNH CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN			
A.	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI (141 QUY TRÌNH)			
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	1.BTXH	1.014027.H24
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2.BTXH	1.014028.H24
3	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp xã	Bảo trợ xã hội	3.BTXH	2.000282.000.00.00.H24
4	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội	4.BTXH	1.011606.H24
5	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội	5.BTXH	1.011609.H24
6	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	6.BTXH	1.011608.H24
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội	7.BTXH	1.011607.H24
8	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	8.BTXH	1.001653.000.00.00.H24
9	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	9.BTXH	2.000355.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
10	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	10.BTXH	1.001699.000.00.00.H24
11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	11.BTXH	2.000286.000.00.00.H24
12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	12.BTXH	1.001776.000.00.00.H24
13	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	13.BTXH	1.001731.000.00.00.H24
14	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác	1.CSGDK	1.012972.H24
15	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	2.CSGDK	1.012971.H24
16	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác	3.CSGDK	1.012975.H24
17	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác	4.CSGDK	3.000309.H24
18	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác	5.CSGDK	1.012974.H24
19	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác	6.CSGDK	1.012973.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
20	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức	1.CCVC	1.012301.000.00.00.H24
21	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức	2.CCVC	1.012299.000.00.00.H24
22	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức	3.CCVC	1.012300.000.00.00.H24
23	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc	1.CTDT	1.012222.H24
24	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác dân tộc	2.CTDT	1.012223.H24
25	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số - Sức khỏe sinh sản	1.DSSS	2.001088.H24
26	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	1.GĐ	1.012085.000.00.00.H24
27	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	2.GĐ	1.012084.000.00.00.H24
28	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1.GDMN	1.012962.H24
29	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	2.GDMN	1.012961.H24
30	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	3.GDMN	1.006444.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
31	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	4.GDMN	1.006445.000.00.00.H24
32	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non	5.GDMN	1.006390.000.00.00.H24
33	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp	1.GDNN	2.002284.000.00.00.H24
34	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	2.GDNN	2.001960.000.00.00.H24
35	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học	1.GDTH	1.005099.000.00.00.H24
36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	2.GDTH	1.012963.H24
37	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	3.GDTH	1.004563.000.00.00.H24
38	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	4.GDTH	1.001639.000.00.00.H24
39	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	5.GDTH	1.004552.000.00.00.H24
40	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	6.GDTH	2.001842.000.00.00.H24
41	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	1.GDTX	3.000308.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
42	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	2.GDTX	3.000307.H24
43	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	3.GDTX	1.012969.H24
44	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	4.GDTX	1.012970.H24
45	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1.GDTHCS	1.012967.H24
46	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	2.GDTHCS	2.001904.000.00.00.H24
47	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	3.GDTHCS	1.005108.000.00.00.H24
48	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học	4.GDTHCS	2.002483.000.00.00.H24
49	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	5.GDTHCS	1.012964.H24
50	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học	6.GDTHCS	1.012968.H24
51	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	7.GDTHCS	1.012965.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
52	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	8.GDTHCS	1.012966.H24
53	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	9.GDTHCS	3.000182.000.00.00.H24
54	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	10.GDTHCS	2.002482.000.00.00.H24
55	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học	11.GDTHCS	2.002481.000.00.00.H24
56	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.GDQD	1.000691.000.00.00.H24
57	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1.GDQD	2.002770.H24
58	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2.GDQD	1.001714.000.00.00.H24
59	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	3.GDQD	2.002771.H24
60	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	4.GDQD	1.003702.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
61	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	5.GDQD	1.002407.000.00.00.H24
62	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	6.GDQD	1.008951.000.00.00.H24
63	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	7.GDQD	1.008725.000.00.00.H24
64	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	8.GDQD	1.008724.000.00.00.H24
65	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	9.GDQD	1.008950.000.00.00.H24
66	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	10.GDQD	1.001622.000.00.00.H24
67	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	11.GDQD	1.000280.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
68	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	12.GDQD	1.000288.000.00.00.H24
69	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	1.KĐCL	1.000715.000.00.00.H24
70	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	2.KĐCL	1.000711.000.00.00.H24
71	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục	3.KĐCL	1.000713.000.00.00.H24
72	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	1.NCC	1.010818.000.00.00.H24
73	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	2.NCC	1.004964.000.00.00.H24
74	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công	3.NCC	1.010820.000.00.00.H24
75	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	4.NCC	1.010805.000.00.00.H24
76	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công	5.NCC	1.010825.000.00.00.H24
77	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	6.NCC	1.010816.000.00.00.H24
78	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	7.NCC	2.002307.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
79	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công	8.NCC	1.013750.H24
80	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công	9.NCC	1.010812.000.00.00.H24
81	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công	10.NCC	1.013749.H24
82	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công	11.NCC	1.001257.000.00.00.H24
83	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	12.NCC	2.001157.000.00.00.H24
84	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	13.NCC	2.001396.000.00.00.H24
85	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	14.NCC	2.002308.000.00.00.H24
86	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	15.NCC	1.010811.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
87	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	16.NCC	1.010824.000.00.00.H24
88	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	17.NCC	1.010804.000.00.00.H24
89	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	18.NCC	1.010803.000.00.00.H24
90	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	19.NCC	1.010819.000.00.00.H24
91	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	20.NCC	1.010821.000.00.00.H24
92	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	21.NCC	1.010833.000.00.00.H24
93	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	22.NCC	1.010814.000.00.00.H24
94	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công	23.NCC	1.010815.000.00.00.H24
95	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	1.PTTT	1.013792.H24
96	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2.PTTT	1.013795.H24
97	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	3.PTTT	1.013794.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
98	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	4.PTTT	1.013793.H24
99	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	1.PCTN	1.010941.000.00.00.H24
100	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2.PCTN	1.010940.H24
101	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	3.PCTN	1.010939.H24
102	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội	4.PCTN	1.010938.H24
103	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	5.PCTN	2.001661.000.00.00.H24
104	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước	1.LĐNN	1.013734.H24
105	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	1.HQ	1.013704.H24
106	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	2.HQ	1.013711.H24
107	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	3.HQ	1.013714.H24
108	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	4.HQ	1.013709.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
109	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	5.HQ	1.013715.H24
110	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	6.HQ	1.013702.H24
111	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	7.HQ	1.013713.H24
112	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	8.HQ	1.013712.H24
113	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	9.HQ	1.013708.H24
114	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	10.HQ	1.013716.H24
115	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	11.HQ	1.013710.H24
116	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	12.HQ	1.013703.H24
117	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	13.HQ	1.013707.H24
118	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	14.HQ	1.013717.H24
119	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	15.HQ	1.013706.H24
120	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức	Tín ngưỡng, tôn giáo	1.TNTG	1.013798.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
121	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	2.TNTG	1.013797.H24
122	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	3.TNTG	1.013796.H24
123	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	4.TNTG	1.012582.000.00.00.H24
124	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	5.TNTG	1.012585.000.00.00.H24
125	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	6.TNTG	1.012590.000.00.00.H24
126	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	7.TNTG	1.012592.000.00.00.H24
127	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	8.TNTG	1.012591.000.00.00.H24
128	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo	9.TNTG	1.012584.000.00.00.H24
129	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	1.TD TT	2.000794.000.00.00.H24
130	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em	1.TE	1.004944.000.00.00.H24
131	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	2.TE	1.004946.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
132	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	3.TE	1.004941.000.00.00.H24
133	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	4.TE	2.001944.000.00.00.H24
134	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	5.TE	2.001947.000.00.00.H24
135	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	6.TE	2.001942.000.00.00.H24
136	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	1.VBCC	3.000467.H24
137	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ	2.VBCC	3.000468.H24
138	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	1.VH	1.003622.000.00.00.H24
139	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	2.VH	1.013791.H24
140	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Việc làm	1.VL	1.013725.H24
141	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm	2.VL	1.013724.H24
B	VĂN PHÒNG HĐND&UBND (69 QUY TRÌNH)			

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
1	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	1.CT	2.000927.000.00.00.H24
2	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	2.CT	2.000908.000.00.00.H24
3	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	3.CT	2.000942.000.00.00.H24
4	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	4.CT	2.001016.000.00.00.H24
5	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	5.CT	2.001406.000.00.00.H24
6	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	6.CT	2.001009.000.00.00.H24
7	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	7.CT	2.000913.000.00.00.H24
8	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	8.CT	2.001035.000.00.00.H24
9	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	9.CT	2.001019.000.00.00.H24
10	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	10.CT	2.000884.000.00.00.H24
11	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực	11.CT	2.000992.000.00.00.H24
12	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực	12.CT	2.001008.000.00.00.H24
13	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	13.CT	2.000815.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
14	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại	1.KNTC	2.002409.000.00.00.H24
15	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo	2.KNTC	2.002396.000.00.00.H24
16	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	1. HT	3.000322.H24
17	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	2. HT	3.000323.H24
18	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	3. HT	1.000080.000.00.00.H24
19	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	4. HT	1.004827.000.00.00.H24
20	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	5. HT	1.000094.000.00.00.H24
21	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch	6. HT	1.000110.000.00.00.H24
22	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	7. HT	1.001022.000.00.00.H24
23	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	8. HT	1.000656.000.00.00.H24
24	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	9. HT	1.005461.000.00.00.H24
25	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	10. HT	2.002516.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	11. HT	2.000779.000.00.00.H24
27	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	12. HT	2.000513.000.00.00.H24
28	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	13. HT	1.004746.000.00.00.H24
29	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	14. HT	2.000497.000.00.00.H24
30	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	15. HT	2.000522.000.00.00.H24
31	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	16. HT	1.004884.000.00.00.H24
32	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	17. HT	1.000593.000.00.00.H24
33	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	18. HT	2.000806.000.00.00.H24
34	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	19. HT	1.000894.000.00.00.H24
35	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	20. HT	1.000419.000.00.00.H24
36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	21. HT	1.001766.000.00.00.H24
37	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	22. HT	1.003583.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
38	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	23. HT	1.001695.000.00.00.H24
39	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	24. HT	1.000689.000.00.00.H24
40	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	25. HT	1.000893.000.00.00.H24
41	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	26. HT	2.000528.000.00.00.H24
42	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	27. HT	1.004772.000.00.00.H24
43	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	28. HT	1.001193.000.00.00.H24
44	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	29. HT	1.001669.000.00.00.H24
45	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	30. HT	1.004837.000.00.00.H24
46	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	31.HT	2.000756.000.00.00.H24
47	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	32.HT	1.004845.000.00.00.H24
48	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	33.HT	1.004859.000.00.00.H24
49	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	34.HT	2.000748.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
50	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	35.HT	2.000554.000.00.00.H24
51	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	36.HT	2.002189.000.00.00.H24
52	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	37.HT	1.004873.000.00.00.H24
53	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	38.HT	2.000635.000.00.00.H24
54	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	1.CN	1.003005.H24
55	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi	2.CN	2.002349.H24
56	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	3.CN	2.001255.000.00.00.H24
57	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	4.CN	2.001263.000.00.00.H24
58	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	5.CN	2.002363.H24
59	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	1.PCTN	2.002400.000.00.00.H24
60	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng	2.PCTN	2.002403.000.00.00.H24
61	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng	3.PCTN	2.002402.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
62	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng	4.PCTN	2.002401.000.00.00.H24
63	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	1.PBPL	1.002211.H24
64	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	2.PBPL	2.000930.000.00.00.H24
65	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật	3.PBPL	2.002080.000.00.00.H24
66	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật	4.PBPL	2.000424.H24
67	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật	5.PBPL	2.000950.H24
68	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân	1.TCD	1.010945.000.00.00.H24
69	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư	1.XLĐ	2.002501.000.00.00.H24
C	PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ (143 QUY TRÌNH)			
1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1.ATĐ	2.000206.H24
2	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	2.ATĐ	2.001384.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
3	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản	1.ĐGD	2.001247.000.00.00.H24
4	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1.BVND	2.002620.000.00.00.H24
5	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	1.BTNN	2.002165.000.00.00.H24
6	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương	1.CNĐP	2.002096.000.00.00.H24
7	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	1.CN	1.012836.000.00.00.H24
8	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	2.N	1.012837.000.00.00.H24
9	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai	1.ĐĐ	1.014284.H24
10	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	2.ĐĐ	1.013979.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	3.ĐĐ	1.013978.H24
12	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	4.ĐĐ	1.013967.H24
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	5.ĐĐ	1.012818.H24
14	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	6.ĐĐ	1.013965.H24
15	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	7.ĐĐ	1.013962.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
16	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	8.ĐĐ	1.013949.H24
17	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	9.ĐĐ	1.013952.H24
18	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Đất đai	10.ĐĐ	1.013953.H24
19	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	11.ĐĐ	1.013950.H24
20	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	12.ĐĐ	1.012812.000.00.00.H24
21	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	13.ĐĐ	1.012753.000.00.00.H24
22	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	14.ĐĐ	1.012796.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
23	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	15.ĐĐ	1.012817.H24
24	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	1.ĐB	1.013274.H24
25	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	2.ĐB	1.013061.H24
26	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Đường thủy nội địa	1.ĐTND	1.009456.000.00.00.H24
27	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Đường thủy nội địa	2.ĐTND	2.001711.000.00.00.H24
28	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	3.ĐTND	1.004002.000.00.00.H24
29	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	4.ĐTND	1.003970.000.00.00.H24
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	5.ĐTND	1.003930.000.00.00.H24
31	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thủy nội địa	6.ĐTND	2.001659.000.00.00.H24
32	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	7.ĐTND	1.004088.000.00.00.H24
33	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Đường thủy nội địa	8.ĐTND	1.004047.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
34	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	9.ĐTNĐ	1.004036.000.00.00.H24
35	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Đường thủy nội địa	10.ĐTNĐ	1.005040.000.00.00.H24
36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Đường thủy nội địa	11.ĐTNĐ	1.006391.000.00.00.H24
37	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	12.ĐTNĐ	1.009454.000.00.00.H24
38	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	13.ĐTNĐ	2.001217.000.00.00.H24
39	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	14.ĐTNĐ	2.001214.000.00.00.H24
40	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Đường thủy nội địa	15.ĐTNĐ	2.001218.000.00.00.H24
41	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Đường thủy nội địa	16.ĐTNĐ	2.001215.000.00.00.H24
42	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	17.ĐTNĐ	1.009452.000.00.00.H24
43	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	18.ĐTNĐ	2.001212.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
44	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa	19.ĐTND	2.001211.000.00.00.H24
45	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	20.ĐTND	1.009453.000.00.00.H24
46	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	21.ĐTND	1.009444.000.00.00.H24
47	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Đường thủy nội địa	22.ĐTND	1.009465.000.00.00.H24
48	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Đường thủy nội địa	23.ĐTND	1.009455.000.00.00.H24
49	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	24.ĐTND	1.003658.000.00.00.H24
50	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Đường thủy nội địa	25.ĐTND	1.009447.000.00.00.H24
51	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	1.GN	3.000412.H24
52	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	1.HĐXD	1.013229.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
53	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	2.HĐXD	1.013232.H24
54	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	3.HĐXD	1.013227.H24
55	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	4.HĐXD	1.013228.H24
56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	5.HĐXD	1.013225.H24
57	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng	6.HĐXD	1.013234.H24
58	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	7.HĐXD	1.013239.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
59	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ 1	Hoạt động xây dựng	8.HĐXD	1.013226.H24
60	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.HTX	2.002668.H24
61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	1.KDK	2.001283.000.00.00.H24
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	2.KDK	2.001270.000.00.00.H24
63	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí	3.KDK	2.001261.000.00.00.H24
64	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1.PTNT	1.003434.000.00.00.H24
65	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu do trường hợp bị mất, tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát, bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	1.LTHH	2.001240.000.00.00.H24
66	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2.LTHH	2.000633.000.00.00.H24
67	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	3.LTHH	2.000620.000.00.00.H24
68	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước	4.LTHH	1.001279.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
69	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	5.LTHH	2.000629.000.00.00.H24
70	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	6.LTHH	2.000615.000.00.00.H24
71	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	7.LTHH	2.000181.000.00.00.H24
72	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	8.LTHH	2.000162.000.00.00.H24
73	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	9.LTHH	2.000150.000.00.00.H24
74	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Môi trường	1.MT	1.004082.000.00.00.H24
75	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	2,MT	1.010736.000.00.00.H24
76	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	1.NN	1.003596.000.00.00.H24
77	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	1.NOCS	1.012888.H24
78	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	1.QLCS	3.000327.H24
79	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản	2.QLCS	3.000326.H24
80	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản	3.QLCS	3.000325.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
81	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	Quản lý công sản	4.QLCS	3.000410.H24
82	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	1.PCTT	1.010091.000.00.00.H24
83	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	2.PCTT	1.010092.000.00.00.H24
84	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	1.QHKT	1.014158.H24
85	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	2.QHKT	1.014156.H24
86	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	3.QHKT	1.014155.H24
87	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	4.QHKT	1.014157.H24
88	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	5.QHKT	1.014159.H24
89	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai	1.TCĐ	1.012994.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
90	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai	2.TCĐ	1.012995.H24
91	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai	3.TCĐ	1.012996.H24
92	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp xã)	Tài nguyên nước	1.TNN	1.001662.000.00.00.H24
93	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	1.CNN	1.012568.H24
94	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	2.CNN	1.012569.H24
95	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	1.TLDN	2.001199.000.00.00.H24
96	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	1.TLHT	2.002228.000.00.00.H24
97	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	2.TLHT	2.002226.000.00.00.H24
98	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.HĐHTX	2.002123.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
99	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.HĐHTX	1.005277.000.00.00.H24
100	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3.HĐHTX	2.001973.000.00.00.H24
101	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	4.HĐHTX	1.004982.000.00.00.H24
102	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	5.HĐHTX	1.005377.000.00.00.H24
103	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	6.HĐHTX	1.005010.000.00.00.H24
104	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	7.HĐHTX	1.004901.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
105	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	8.HĐHTX	2.002646.000.00.00.H24
106	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	9.HĐHTX	2.002636.000.00.00.H24
107	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10.HĐHTX	2.002635.000.00.00.H24
108	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	11.HĐHTX	2.002637.000.00.00.H24
109	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	12.HĐHTX	2.002638.000.00.00.H24
110	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	13.HĐHTX	2.002639.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
111	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	14.HĐHTX	2.002640.000.00.00.H24
112	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	15.HĐHTX	2.002641.000.00.00.H24
113	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	16.HĐHTX	2.002642.000.00.00.H24
114	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	17.HĐHTX	2.002643.000.00.00.H24
115	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	18.HĐHTX	2.002644.000.00.00.H24
116	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	19.HĐHTX	2.002648.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
117	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	20.HĐHTX	2.002649.000.00.00.H24
118	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	21.HĐHTX	2.002650.000.00.00.H24
119	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	22.HĐHTX	1.005280.000.00.00.H24
120	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	23.HĐHTX	1.005378.000.00.00.H24
121	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	24.HĐHTX	2.001958.000.00.00.H24
122	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	25.HĐHTX	1.004979.000.00.00.H24
123	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	1.HKD	1.014035.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
124	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	2.HKD	1.014034.H24
125	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	3.HKD	1.001612.000.00.00.H24
126	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	4.HKD	2.000720.000.00.00.H24
127	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	5.HKD	1.001570.000.00.00.H24
128	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	6.HKD	2.000575.000.00.00.H24
129	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	7.HKD	1.001266.000.00.00.H24
130	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	1.TY	1.013997.H24
131	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	1.TL	1.013768.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
132	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	2.TL	2.001621.000.00.00.H24
133	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND xã	Thủy lợi	3.TL	1.003471.000.00.00.H24
134	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	4.TL	2.001627.000.00.00.H24
135	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND xã	Thủy lợi	5.TL	1.003347.000.00.00.H24
136	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	6.TL	1.003440.000.00.00.H24
137	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	7.TL	1.003446.000.00.00.H24
138	Công bố mở cảng cá loại 3	Thủy sản	1.TS	1.004478.000.00.00.H24
139	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	2.TS	1.003956.000.00.00.H24
140	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	3.TS	1.004498.000.00.00.H24

STT	TÊN TÀI LIỆU	LĨNH VỰC	KÝ HIỆU	Mã hồ sơ TTHC
141	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt	1.TT	1.008004.000.00.00.H24
142	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu	1.UPTD	1.013128.H24
143	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	1.BH	1.005412.H24

Tổng cộng: 354 thủ tục hành chính (đã loại bỏ thủ tục thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến biển, rừng trên cơ sở dữ liệu Dịch vụ công quốc gia và Dịch vụ công thành phố Hải phòng tại địa chỉ: <https://motcua.haiphong.gov.vn> để phù hợp với tình hình của địa phương)